

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2025
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Bà Nguyễn Kim Lý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 444/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 20/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Lô Thị B**, sinh năm: 2000, đăng ký thường trú: **Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn C, xã K, tỉnh Đắk Lắk)** - vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt;

- **Bị đơn:** Ông **Dương Hoàng Q**, sinh năm: 1991; đăng ký thường trú: **Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn C, xã K, tỉnh Đắk Lắk)**; đăng ký tạm trú: Nhà trọ **Ngô Thị K (Huỳnh Hữu N)**, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà **Lô Thị B** trình bày:

Bà **Lô Thị B** và ông **Dương Hoàng Q** chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk) theo

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 143, cấp ngày 10/9/2018, hôn nhân tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Từ năm 2022 đến nay, bà B và ông Q không còn sống chung với nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà B và ông Q có 01 con chung tên Dương Gia K1, sinh ngày: 02/9/2018. Hiện cháu K1 đang sống cùng ông bà nội tại xã K, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2020 cho đến nay. Bà B thường xuyên về thăm con, hàng tháng gửi tiền về nuôi cháu K1. Khi ly hôn, bà B yêu cầu giao cháu K1 cho ông Q nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2025, ông Dương Hoàng Q trình bày:

Ông Q thống nhất với lời trình bày của bà B về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và con chung. Nay bà B xin ly hôn, ông Q đồng ý.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông Q yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q thống nhất với ý kiến của bà B.

3. Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lô Thị B vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Dương Hoàng Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 mà vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông Q tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 143, ngày 10/9/2018. Hôn nhân giữa bà B và ông Q là hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà **B** trình bày, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Từ năm 2022, vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **B** yêu cầu ly hôn với ông **Q** để trả tự do cho nhau.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2025, ông **Dương Hoàng Q** thống nhất với lời trình bày của bà **B** về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý yêu cầu xin ly hôn của bà **B**. Qua đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà **B** và ông **Q** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận cho bà **B** được ly hôn với ông **Q**.

[2.2] Quá trình chung sống bà **B** và ông **Q** có 01 con chung tên **Dương Gia K1**, sinh ngày: 02/9/2018. Bà **B** và ông **Q** đều thống nhất ý kiến về việc giao con chung cho ông **Q** trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu **Dương Gia K1** thì thấy việc giao cháu **K1** cho ông **Q** nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà **Lô Thị B** có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông **Dương Hoàng Q** và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà **B** trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Ông **Q** đề nghị bà **B** cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Bà **B** đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo mức này.

Khoản 24 Điều 3 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cấp dưỡng là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên...”. Trong vụ án này, cháu **Dương Gia K1** cần được cấp dưỡng một khoản tiền để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của cháu trong cuộc sống. Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Do đó, yêu cầu của ông **Q** về việc bà **B** phải cấp dưỡng cho cháu **K1** là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng: Căn cứ vào Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ xác định mức cấp dưỡng nuôi cháu **Dương Gia K1** là 2.000.000 đồng/tháng theo ý kiến của các đương sự.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà **B** yêu cầu ly hôn với ông **Q**, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch. Theo khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà **B** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lô Thị B** đối với bị đơn ông **Dương Hoàng Q** về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lô Thị B** và ông **Dương Hoàng Q** được ly hôn.

- Về con chung:

Giao cho ông **Dương Hoàng Q** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên **Dương Gia K1**, sinh ngày: 02/9/2018.

Bà **Lô Thị B** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông **Dương Hoàng Q** cho đến khi thi hành án xong, bà **Lô Thị Bích C** phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà **Lô Thị B** có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông **Dương Hoàng Q** và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà **Lô Thị B** trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà **Lô Thị B** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số 0004513 ngày 02/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự

thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân